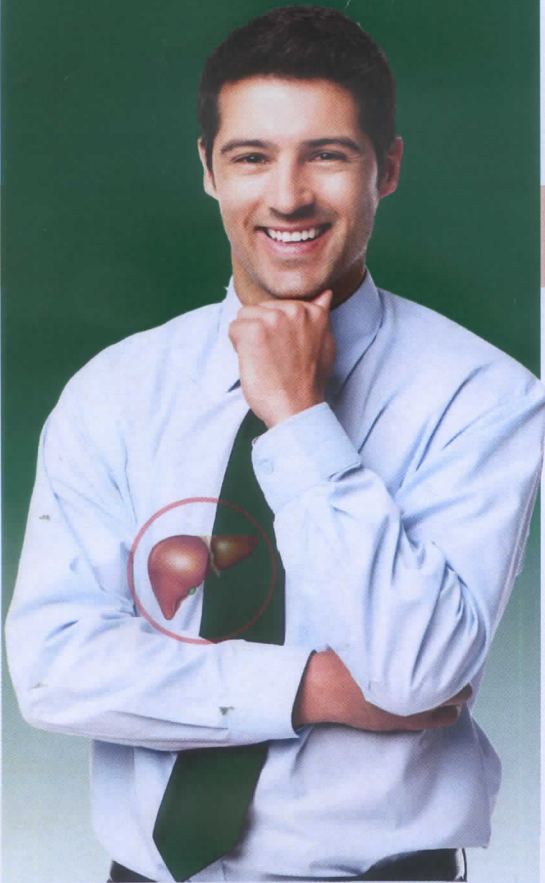


pms-**URSIMEX**

Ursodeoxycholic acid 50 mg | Thiamin mononitrat 10 mg | Riboflavin 5 mg



Số 04, Đường 30/4, Thành Phố Cao Lãnh,
Tỉnh Đồng Tháp
ĐT: 067.3851941 - Fax: 067.3853106
www.imexpharm.com

THÀNH PHẦN:

Mỗi viên nang mềm chứa:

Ursodeoxycholic acid 50 mg | Thiamin mononitrat 10 mg | Riboflavin 5 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên nang mềm.

DẠNG TRÌNH BÀY:

Hộp 3 vỉ x 10 viên nang mềm | Hộp 6 vỉ x 10 viên nang mềm.

DƯỢC LỰC:

Ursodeoxycholic acid (UDCA) có tác dụng lợi mật, kích thích bài tiết dịch mật, hoạt hoá men lipase góp phần cải thiện chức năng tiêu hoá. UDCA cũng thúc đẩy bài tiết dịch vị, góp phần cải thiện các bệnh đường tiêu hoá như chứng khó tiêu và buồn nôn, đồng thời cũng thúc đẩy hấp thu và ester hoá vitamin B1 và B2. Vitamin B1 (thiamin) có vai trò là coenzym tham gia vào chuyển hóa glucid trong cơ thể và quá trình dẫn truyền thần kinh. Vitamin B2 (riboflavin) được biến đổi thành 2 co-enzym là flavin mononucleotid và flavin adenin dinucleotid là các dạng co-enzym hoạt động cần cho sự hô hấp của mô.

DƯỢC ĐỘNG HỌC:

Sau khi uống, UDCA vào máu và được chuyển trực tiếp đến gan, chỉ một lượng nhỏ lưu thông trong vòng tuần hoàn. UDCA hấp thu nhanh chóng vào gan và gắn kết với glycine hoặc taurine rồi thải vào mật. Tỷ lệ nhỏ UDCA chịu sự chuyển hoá do vi khuẩn trong chu trình gan - ruột. UDCA được thải trừ chủ yếu qua phân. Vitamin B1, B2 được hấp thu tốt và đào thải qua nước tiểu dưới dạng không thay đổi hoặc đã chuyển hoá.

CHỈ ĐỊNH:

Cải thiện chức năng gan trong viêm gan mạn tính. Bảo vệ và phục hồi tế bào gan trước hoặc sau khi uống rượu. Khó tiêu, chán ăn do rối loạn ở đường mật.

THUỐC NÀY CHỈ DÙNG THEO ĐƠN CỦA BÁC SĨ.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Mẫn cảm với thành phần của thuốc. Bệnh nhân bị tắc nghẽn ống mật. Phụ nữ có thai.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:

Thỉnh thoảng: tiêu chảy, buồn nôn, nôn, ngứa, phát ban, mệt mỏi, hoa mắt, choáng váng

Hiếm khi: đau bụng, táo bón, cảm giác rát bỏng, khó chịu ở bụng.

Thông báo cho Bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

LIỀU DÙNG - CÁCH DÙNG:

Người lớn: 1 viên x 3 lần/ngày. Uống sau bữa ăn.

THẬN TRỌNG:

Bệnh tuyến tụy nặng. Bệnh loét đường tiêu hoá, sỏi mật trong ống dẫn mật.

Phụ nữ mang thai: đã có báo cáo gây độc tính trên bào thai khi thử nghiệm trên động vật. Tính an toàn của thuốc khi sử dụng cho phụ nữ mang thai chưa được xác lập nên không được chỉ định thuốc trong thời kỳ mang thai.

Phụ nữ đang cho con bú: không khuyến khích sử dụng thuốc cho phụ nữ đang cho con bú bởi vì chưa có tài liệu chứng minh thuốc có vào sữa mẹ hay không.

Tác động của thuốc khi lái xe và vận hành máy móc: Không ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC THUỐC:

Dùng đồng thời với thuốc hạ đường huyết có thể làm tăng tác dụng hạ đường huyết nên cần thận trọng.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ:

Chưa thấy quá liều ở liều điều trị.

ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM.

NẾU CẦN BIẾT THÊM THÔNG TIN, XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ.

HẠN DÙNG: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

BẢO QUẢN: dưới 30°C, tránh ẩm và ánh sáng.